

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 01 tháng 4 năm 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chinh, ông Lê Đăng Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần C (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lộc T, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn V (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 42, đường Tôn Đức T, thị trấn Krông N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 9 năm 2020

Bị đơn: Ông Lê Ngọc K, bà Trần Thị X (Đều vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lộc T, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Văn V (Ông V) trình bày:

Ngày 02 tháng 02 năm 2019, ông Trần C cho ông Lê Ngọc K và bà Trần Thị X vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 02 tháng, với lãi suất tự thỏa thuận. Mặc dù quá hạn nhưng ông K, bà X không trả, vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu Tòa

án buộc ông K, bà X trả số tiền 231.540.000đ (Gốc 200.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 02 tháng 09 năm 2020 là 31.540.000đ) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại Hợp đồng vay tài sản (Giấy vay tiền) ngày 02 tháng 02 năm 2019, có nội dung ông K, bà X vay của ông C số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn trả nợ là ngày 02 tháng 04 năm 2019.

Tại Kết luận giám định số 186/KLGD - PC09 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Ngọc K, Trần Thị X trong tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Ngọc K, Trần Thị X trong mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ông V) chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Ông K, bà X mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463; 464; 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông K, bà X trả cho ông C số tiền gốc là 200.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 03 tháng 4 năm 2019. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc ông K, bà X trả tiền lãi suất từ ngày 02 tháng 02 đến ngày 02 tháng 4 năm 2019. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Ông C cho rằng ngày 02 tháng 02 năm 2019, ông cho ông K, bà X vay số tiền 200.000.000đ, nhưng chưa trả. Đến nay, phát sinh tranh chấp nên ông C khởi kiện. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ông C khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Ông K, bà X có hộ khẩu thường trú tại xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K, bà X không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong đơn khởi kiện, ông C cho rằng ông K, bà X vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng với lãi suất tự thỏa thuận, nhưng tại Hợp đồng vay tài sản (Giấy vay tiền đã được Công an kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Lê Ngọc K, Trần Thị X trong hợp đồng vay tài sản so với mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra) chỉ thể hiện nội dung ông K, bà X vay của ông C số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng, không có thỏa thuận lãi suất. Như vậy ông K, bà X có vay của ông C số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông K, bà X không có mặt nên không xác định được lãi suất trong hạn mà các bên đã thỏa thuận là bao nhiêu do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc ông K, bà X trả lãi suất trong hạn từ ngày 02 tháng 02 đến ngày 02 tháng 4 năm 2019 với số tiền được tính với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất 20%/năm của khoản vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (Tức là 10%/năm; $0,83\%/ \text{tháng} \times 200.000.000\text{đ} = 1.660.000\text{đ} \times 02 \text{ tháng} = 3.320.000\text{đ}$). Về lãi suất quá hạn được xác định bằng 150% của lãi suất trong hạn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự (Tức 150% của 10%/năm là 15%/năm; $1,25\%/ \text{tháng}$), vì vậy Hội đồng xét xử xác định số lãi suất quá hạn từ ngày 02 tháng 04 năm 2019 đến ngày 01 tháng 4 năm 2021 là (01 năm, 11 tháng, 29 ngày - Tương đương 23 tháng 29 ngày) và được tính: $(200.000.000\text{đ} \times 1,25\% \text{tháng} = 2.500.000\text{đ} \times 23 \text{ tháng} = 57.500.000\text{đ}) + (200.000.000\text{đ} \times 1,25\% \text{tháng} = 2.500.000\text{đ} : 30 \text{ ngày} = 83.333\text{đ} \times 29 \text{ ngày} = 2.416.666\text{đ}) = 59.916.666\text{đ}$. Như vậy tổng số tiền gốc và lãi suất quá hạn tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2019 đến ngày 01 tháng 4 năm 2021 mà ông K, bà X còn nợ ông C là 259.916.666đ, làm tròn 259.916.000đ (Trong đó, tiền gốc: 200.000.000đ; Lãi suất quá hạn: 59.916.666đ), nhưng đến nay vẫn chưa trả do đó ông C khởi kiện yêu cầu ông K, bà X trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và quan điểm của Viện kiểm sát, buộc ông K, bà X trả cho ông C số tiền là 259.916.000đ.

[4] Về chi phí tố tụng: Vì yêu cầu của ông C được Tòa án chấp nhận, vì thế ông K, bà X phải chịu: 5.440.000đ tiền chi phí giám định. Do ông C là người nộp số tiền trên, nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông C số tiền 5.440.000đ sau khi thu được của ông K, bà X.

[5] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận một phần nên ông C phải chịu án phí với phần không được Tòa án chấp nhận đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch là 3.320.000đ có mức thu là 300.000đ. Ông K, bà X phải chịu án phí với phần yêu cầu của ông C được Tòa án chấp nhận đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch là 12.937.500đ được tính như sau $(259.916.000 \times 5\% = 12.995.800\text{đ})$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 385; 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần C, buộc ông Lê Ngọc K, bà Trần Thị X trả cho ông Trần C số tiền 259.916.000đ (*Hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm mười sáu nghìn đồng chẵn*). Trong đó, nợ gốc: 200.000.000đ, lãi suất quá hạn tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2019 đến ngày 01 tháng 4 năm 2021: 59.916.000đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần C về việc buộc ông Lê Ngọc K, bà Trần Thị X trả tiền lãi suất từ ngày 02 tháng 02 đến ngày 02 tháng 4 năm 2019.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng:

+ Ông Lê Ngọc K, bà Trần Thị X phải chịu 5.440.000đ tiền chi phí giám định. Trả lại cho ông Trần C 5.440.000đ sau khi thu được của ông Lê Ngọc K, bà Trần Thị X.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Ngọc K, bà Trần Thị X phải chịu 12.995.800đ; ông Trần C phải chịu 300.000đ.

+ Ông Trần C được khấu trừ trong số 5.788.000đ tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0009395 ngày 09 tháng 10 năm 2020. Trả lại cho ông Trần C số tiền 5.488.000đ.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Ông Trần C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Ngọc K, bà Trần Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Năng;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ VĂN DŨNG